TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH
Bản án số: 02/2021/ HNGĐ-ST
Ngày: 05- 01-2021;
V/v: "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đôc lập - Tư do - Hanh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 176/2020/TLST- HNGĐ ,ngày 26 tháng 10 năm 2020; về việc xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn 8, xã X, huyện B, tỉnh Q. Có mặt.
-Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn 7, xã X, huyện B, tỉnh Q. Vắng mặt.
Đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Q, số 11/2010, ngày 29/3/2010.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Q vào ngày 29 tháng 3 năm 2010; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc cho đến ngày 22/12/2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn do anh T thường xuyên nhậu nhẹt bài bạc và vũ phu. Mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H xin ly hôn anh T. Hai vợ chồng có hai con chung(sinh đôi) là Nguyễn Minh Tu, sinh ngày 07/8/2011; Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/8/2011. Sau ly hôn chị H nhất trí giao hai con cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H chấp nhận đóng góp phí tổn nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ.Về tài sản chung và công nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh T và chị H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Q vào ngày 29/3/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn. Nay chị H xin ly hôn anh T không nhất trí, anh T mong muốn đoàn tụ, anh T hứa sẽ sữa chửa lại từ đầu. Hai vợ chồng có hai con chung(sinh đôi) là Nguyễn Minh Tu, sinh ngày 07/8/2011; Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/8/2011. Nếu không đoàn tụ được mà ly hôn thì sau khi ly hôn nguyện vọng của anh T là xin được nuôi cả hai con, anh T không yêu cầu chị H phải đóng góp phí tổn nuôi con. Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Q vào ngày 29 tháng 3năm 2010; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẩn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm không thể hàn gắn được.Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẩn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T là có căn cứ.

[3].Về con chung: Hai anh, chị có có hai con chung(sinh đôi) là Nguyễn Minh Tu, sinh ngày 07/8/2011; Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/8/2011. Các con Tu và T có đơn xin ở với bố. Sau ly hôn chị H nhất trí giao hai con cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H chấp nhận đóng góp phí tổn nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ. Nếu không đoàn tụ được mà ly hôn thì sau khi ly hôn nguyện vọng của anh T là xin được nuôi cả hai con, anh T không yêu cầu chị H phải đóng góp phí tổn nuôi con ; cháu Tu và cháu T có đơn xin được ở với bố. Do vậy, giao cả hai đứa con cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo ý chí của anh T, chị H và các con là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của chị H, anh T là có căn cứ; chị H đóng góp phí tổn nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.000.000đ(2.000.000đ/2 con) cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành(18 tuổi).

[4] Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị H chịu nộp án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000đ và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

[6].Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung(sinh đôi) là Nguyễn Minh Tu, sinh ngày 07/8/2011; Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/8/2011cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H đóng góp phí tổn nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi hai con đến18 tuổi.

Cấm anh T ngăn cản chị H quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con khi có một trong các căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

3.Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu nộp 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai số 0000486 ngày 26 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, chị H phải nộp tiếp 300.000đ(ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05 /01 /2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Tòa án ND tỉnh Quảng Bình;
-VKS huyện Bố Trạch(2)
-Chi cục THA DS huyện Bố Trạch;
-Chị Nguyễn Thị H;
-Anh Nguyễn Văn T;
-UBND xã X(Để biết);
-Lưu hồ sơ, vpTòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân